

Số: /ĐL-SVHTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

ĐIỀU LỆ
ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO THỦ ĐÔ LẦN THỨ XI NĂM 2025

Thực hiện Hướng dẫn số 2229/HD-BVHTTDL ngày 28/5/2024 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp tiến tới Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026; Công văn số 2324/BVHTTDL-TDTTVN ngày 26/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp; Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 25/10/2024 và Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 12/09/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung một số nhiệm vụ tại Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 25/10/2024 của UBND Thành phố về tổ chức Đại hội Thể dục thể thao Thủ đô lần thứ XI năm 2025. Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội ban hành Điều lệ Đại hội Thể dục thể thao Thủ đô lần thứ XI năm 2025 (Đại hội) cụ thể như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

- Chào mừng thành công Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.
- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới và Chiến lược phát triển Thể dục, thể thao đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 10/02/2025 của Thành uỷ Hà Nội về phát triển thể dục, thể thao Thủ đô trong giai đoạn mới.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về lợi ích, vai trò của tập luyện thể dục, thể thao trong việc nâng cao sức khỏe, thể lực, góp phần nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của Nhân dân, đào tạo con người phát triển toàn diện trong giai đoạn mới.
- Đại hội là cuộc vận động sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân; động viên mọi người thi đua rèn luyện thân thể, nâng cao chất lượng phong trào luyện tập thể dục, thể thao của quần chúng, tạo điều kiện phát triển các môn thể thao dân tộc, các môn thể thao truyền thống ở địa phương; phát hiện bồi dưỡng vận động viên tiêu biểu làm nòng cốt cho phong trào thể dục, thể thao ở địa phương, tuyển chọn nhân sự, bồi dưỡng nhân tài tham gia các giải thể thao trong nước và

quốc tế; Đại hội Thể dục thể thao các cấp tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao quần chúng, gắn công tác tổ chức Đại hội với việc đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

5. Tổ chức Đại hội nhằm góp phần củng cố bộ máy, tăng cường và nâng cao năng lực quản lý, tổ chức điều hành của đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, hướng dẫn viên, trọng tài và là một bước kiểm nghiệm, chỉ đạo, chăm lo đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng vận động viên các tuyến, tích cực chuẩn bị về mọi mặt để tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026 đạt thành tích cao nhất.

Điều 2: Yêu cầu

1. Quy trình tổ chức Đại hội phải đảm bảo tính tuân thủ, khoa học, nghiêm túc thực hiện Điều lệ Đại hội và các quy định của Ban tổ chức. Các môn thi đấu thực hiện chặt chẽ, đúng luật. Trọng tài điều hành cần đảm bảo tính khách quan vô tư, vận động viên thi đấu đoàn kết, trung thực, cao thượng và đạt thành tích cao nhất.

2. Thực hiện nghiêm Chỉ thị 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng chính phủ về phòng chống tiêu cực trong các hoạt động thể dục thể thao.

3. Phần khai mạc, bế mạc và tổ chức các môn thi đấu trong Đại hội phải an toàn tuyệt đối về chuyên môn, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong quá trình thi đấu các môn thể thao của Đại hội.

Điều 3: Đối tượng tham dự, đơn vị dự thi

1. Đối tượng tham dự:

- Là công dân Thủ đô có đăng ký thường trú, tạm trú từ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm thi đấu các môn trên địa bàn thành phố Hà Nội, có đủ sức khỏe tham gia thi đấu. Mỗi vận động viên chỉ được thi đấu cho một đơn vị trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

- Là vận động viên không hưởng chế độ bồi dưỡng của các ngành, không đạt huy chương tại các giải vô địch trẻ (thanh thiếu niên; các nhóm tuổi), vô địch quốc gia, quốc tế.

2. Đối tượng không được tham dự:

- Là vận động viên đang hưởng chế độ bồi dưỡng đào tạo vận động viên chuyên nghiệp ở tất cả các môn thể thao (kể cả các vận động viên đã thôi không hưởng chế độ bồi dưỡng của ngành Văn hóa và Thể thao, Công an, Quốc phòng, Giáo dục và Đào tạo, doanh nghiệp và các Trung tâm huấn luyện thể thao các ngành chưa quá thời hạn 24 tháng tính đến thời điểm tổ chức thi đấu).

- Là vận động viên đạt huy chương tại các giải vô địch trẻ (thanh thiếu niên; các nhóm tuổi), vô địch quốc gia, quốc tế.

- Là học sinh, sinh viên trong các trường Đại học Thể dục thể thao, trường Cao đẳng, Đại học sư phạm chuyên ngành giáo dục thể chất.

3. Đơn vị dự thi:

- Là đội tuyển thể thao của 11 cụm thi đua gồm: 126 xã, phường; theo Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND Thành phố về việc thành lập cụm, khối thi đua trực thuộc thành phố Hà Nội tham gia thi đấu theo điều lệ từng môn.

- Các Sở, ngành đóng trên địa bàn xã, phường nào thì đăng ký thi đấu theo cụm thi đua của xã, phường đấy.

Điều 4: Biểu tượng Đại hội

Biểu tượng của Đại hội có hình vòng tròn; vành ngoài phía trên có hàng chữ “Đại hội Thể dục thể thao Thủ đô lần thứ XI”, phía dưới có 2 bông lúa vàng; phía trong của biểu tượng có 3 đường chéo nhau hình chữ V màu đỏ, phía trên là ngôi sao vàng, phía dưới là số 2025.

Điều 5: Đăng ký thi đấu

1. Thời gian đăng ký: Theo Điều lệ từng môn.

2. Hồ sơ đăng ký:

- Danh sách lãnh đạo, cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên tham gia từng môn thi và từng nội dung cụ thể theo Điều lệ từng môn do cụm trưởng (hoặc cụm phó) theo Quyết định số 3930/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND Thành phố về việc công nhận và chỉ định Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó các cụm, khối thi đua thuộc thành phố Hà Nội năm 2025 ký, đóng dấu. Phải có cam kết đúng đối tượng dự thi của lãnh đạo đơn vị.

- Thẻ thi đấu phải scan ảnh màu cỡ 4x6 chụp năm 2025 của vận động viên vào thẻ và đủ các chữ ký, dấu theo quy định (có mẫu kèm theo). Thẻ thi đấu phải in màu bìa cứng bằng $\frac{1}{2}$ tờ A4. Phải ghi đầy đủ các nội dung trong thẻ, nếu thiếu coi như không hợp lệ.

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp và đảm bảo đủ sức khỏe tham gia thi đấu thể thao. Khuyến cáo các vận động viên mắc bệnh tim mạch, huyết áp không nên tham gia các môn có khối lượng vận động cao.

- Căn cước hoặc Căn cước công dân (bản pho to).

3. Nơi nhận đăng ký:

Phòng Quản lý Thể dục thể thao - Sở Văn hoá và Thể thao Hà Nội, số 47 Hàng Dầu, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điều 6: Nội dung, thời gian thi đấu

1. Nội dung thi đấu: tổ chức 25 môn gồm:

1	Bóng bàn
2	Bóng chuyền (da, hơi)
3	Bóng đá
4	Bóng rổ
5	Bơi

14	Khiêu vũ thể thao
15	Pencak Silat
16	Quần vợt
17	Roller Sports
18	Taekwondo

6	Billiards
7	Cầu lông
8	Cờ tướng
9	Cờ vua
10	Đá cầu
11	Điền kinh
12	Karate
13	Kéo co

19	Thể dục Aerobic
20	Thể dục dưỡng sinh
21	Thể thao điện tử
22	Vật
23	Võ cổ truyền
24	Vovinam
25	Wushu

2. Thời gian thi đấu: có lịch cụ thể kèm theo.

Điều 7. Khen thưởng, kỷ luật, khiếu nại

1. Khen thưởng:

- Trao huy chương, tiền thưởng cho các cá nhân, đồng đội, tập thể đạt kết quả cao theo quy định của điều lệ từng môn.

- Tặng cờ nhất, nhì, ba toàn đoàn cho các cụm đạt thành tích cao theo tổng sắp huy chương.

- Đề nghị UBND Thành phố khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình tổ chức Đại hội.

2. Cách tính xếp hạng:

- Căn cứ vào tổng số huy chương vàng, bạc, đồng đạt được của các cụm, cụm nào có số lượng huy chương vàng nhiều hơn sẽ xếp trên. Nếu bằng nhau xét đến huy chương bạc, đồng. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng.

- Cách tính hệ số huy chương các môn thi đấu:

+ Môn: Bóng đá, Bóng rổ, Bóng chuyền (da, hơi), Thể dục dưỡng sinh, Thể dục Aerobic, Kéo co: Hệ số 5.

+ Các môn khác: Hệ số 1.

3. Kỷ luật:

- Các tập thể, cá nhân vi phạm Điều lệ Đại hội, Luật khi tham dự thi đấu sẽ bị kỷ luật theo quy định của Đại hội.

- Đơn vị vi phạm Ban tổ chức sẽ không tính thi đua của đơn vị đó trong Đại hội.

4. Khiếu nại:

- Chỉ có Trưởng đoàn mới có quyền khiếu nại.

- Khiếu nại về nhân sự phải có đơn nộp cho Ban tổ chức 30 phút trước cuộc họp chuyên môn.

- Khiếu nại về chuyên môn phải có đơn nộp cho Ban tổ chức ngay sau khi kết thúc trận đấu 10 phút. Quá thời hạn quy định mọi khiếu nại không có giá trị.

- Mọi quyết định của Ban tổ chức các đơn vị phải tuyệt đối chấp hành.

- Đơn vị khiếu nại phải nộp cho Ban tổ chức 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho mỗi nội dung thi đấu. Đơn vị vi phạm sẽ chịu kinh phí đi thẩm tra. Đơn vị khiếu nại đúng sẽ được trả lại lệ phí khiếu nại.

- Trong quá trình thi đấu nếu đơn vị nào có vận động viên bị phát hiện gian lận về nhân sự sẽ bị xử lý theo quy định gian lận trong thi đấu thể thao (Nghị định 46/2019/NĐ-CP ngày 27/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao).

Điều 8: Kinh phí

1. Kinh phí tổ chức các môn thi đấu của Đại hội (cấp thành phố) do Sở Văn hoá và Thể thao Hà Nội chịu trách nhiệm.

2. Các đơn vị tham dự chịu trách nhiệm kinh phí tập huấn và tham dự thi đấu các môn thể thao của Đại hội.

Điều 9. Các quy định khác

- Các môn thi đấu chỉ tập trung chào cờ trước khi thi đấu, không tổ chức khai mạc từng môn.

- Các nội dung thi đấu phải có ít nhất 3 vận động viên, đội của 3 cụm trở lên mới tổ chức thi đấu. Nếu có 3 vận động viên, đội thi đấu chỉ trao huy chương vàng, bạc.

- Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần phản ánh kịp thời đến Ban tổ chức Đại hội giải quyết. Chỉ có Ban tổ chức Đại hội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

CHƯƠNG II

ĐIỀU LỆ THI ĐẤU TỪNG MÔN

Điều 10. Môn Bóng bàn

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 11 tuổi trở xuống (Sinh năm 2014 trở lại đây).
- b. Nhóm tuổi 2: 12 - 13 tuổi (Sinh năm 2013 - 2012).
- c. Nhóm tuổi 3: 14 - 15 tuổi (Sinh năm 2011 - 2010).
- d. Nhóm tuổi 4: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).
- e. Nhóm tuổi 5: 19 - 30 tuổi (Sinh năm 2006 - 1995).
- f. Nhóm tuổi 6: 31 - 40 tuổi (Sinh năm 1994 - 1985).
- g. Nhóm tuổi 7: 41 - 50 tuổi (Sinh năm 1984 - 1975).
- h. Nhóm tuổi 8: 51 - 60 tuổi (Sinh năm 1974 - 1965).
- i. Nhóm tuổi 9: 61 - 70 tuổi (Sinh năm 1964 - 1955).

2. Nội dung thi đấu:

- Nhóm tuổi 1-8 thi đấu: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp, đồng đội nam, đồng đội nữ.

- Nhóm tuổi 9 thi đấu: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp.

3. Số lượng vận động viên tham gia:

- Mỗi cụm, mỗi nhóm tuổi được đăng kí: 02 vận động viên đơn nam, 02 vận động viên đơn nữ; 01 đôi nam; 01 đôi nữ; 01 đôi nam nữ; 01 đồng đội nam; 01 đồng đội nữ. Nội dung đồng đội mỗi đội được đăng ký từ 03 vận động viên đến 05 vận động viên thi đấu theo thể thức Swaythling (5 trận đơn).

- Mỗi vận động viên được thi đấu tối đa 02 nội dung, không kể nội dung đồng đội.

4. Luật và trang phục thi đấu:

- Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Bóng bàn do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

- Các trận đều thi đấu 5 ván, mỗi ván 11 điểm.

- Bóng thi đấu: Bóng Song Hỷ màu trắng có đường kính 40mm +.

- Trang phục: Không được trùng với màu của bóng thi đấu.

5. Cách tính điểm và xếp hạng:

Tính điểm để xếp hạng trong thi đấu vòng tròn: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau, đội thắng trận đấu trực tiếp xếp trên, nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua, tổng ván thắng/ván thua, tổng điểm thắng/điểm thua của các đội đó với nhau.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Mạnh Hùng - ĐT: 0918.833.690

Điều 11. Môn Bóng chuyền

A. Môn Bóng chuyền da:

1. Đối tượng thi đấu:

Không phân biệt lứa tuổi.

2. Nội dung thi đấu:

Mỗi cụm được cử 02 đội nam và 02 đội nữ tham dự giải.

3. Số lượng vận động viên:

Mỗi đội được đăng ký 01 lãnh đội, 01 huấn luyện viên trưởng, 01 huấn luyện viên phó, 01 săn sóc viên, 01 bác sỹ, tối đa 14 vận động viên, tối thiểu 09 vận động viên (nếu đăng ký trên 12 vận động viên phải đăng ký 02 Libero).

4. Thể thức thi đấu, cách tính điểm:

a. Thể thức thi đấu: Các trận thi đấu theo thể thức 5 hiệp thắng 3. Căn cứ vào số đội đăng ký, Ban tổ chức sẽ chọn hình thức thi đấu cho phù hợp.

b. Cách tính điểm:

- Trận thắng với tỉ số 3-0, 3-1: đội thắng được 3 điểm, đội thua 0 điểm.
- Trận thắng với tỉ số 3-2: đội thắng được 3 điểm, đội thua 1 điểm.
- Bỏ cuộc: 0 điểm.

c. Xếp hạng:

- Đội có nhiều trận thắng nhất xếp trên.
- Nếu hai hay nhiều đội có tổng số trận thắng bằng nhau thì đội nào có tổng số điểm nhiều hơn sẽ xếp trên.
- Trong trường hợp hai hay nhiều đội có tổng số điểm bằng nhau thì đội nào có tỷ số “tổng hiệp thắng/tổng hiệp thua” lớn hơn thì đội đó xếp trên.
- Nếu tỷ số “tổng hiệp thắng/tổng hiệp thua” vẫn bằng nhau thì đội nào có tỷ số “tổng quả thắng/tổng quả thua” lớn hơn thì đội đó xếp trên.
- Nếu tỷ số “tổng hiệp thắng/tổng hiệp thua” vẫn bằng nhau thì đội nào thắng trận đấu giữa hai đội xếp trên.

5. Luật thi đấu:

- Luật thi đấu: Áp dụng luật thi đấu Bóng chuyền Việt Nam VFFV do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.
- Bóng thi đấu: Bóng Mikasa.
- Trang phục thi đấu: Mỗi đội phải đăng ký tối thiểu 02 bộ trang phục thi đấu khác màu, giày tất thống nhất.
- Các thành viên ban huấn luyện trong khu vực kỹ thuật phải mặc trang phục đồng nhất (kiểu dáng, màu sắc) và phải đi giày,

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

B. Môn Bóng chuyền hơi:

1. Đối tượng thi đấu:

- Nam từ 55 - 70 tuổi (Sinh năm 1970 - 1955).
- Nữ từ 50 - 65 tuổi (Sinh năm 1975 - 1960).

2. Nội dung thi đấu:

Mỗi cụm được cử 02 đội nam và 02 đội nữ tham dự giải.

3. Số lượng vận động viên:

Mỗi đội được đăng ký 01 lãnh đội, 01 huấn luyện viên, 01 săn sóc viên và 10 vận động viên (gồm 5 vận động viên chính thức và 5 vận động viên dự bị).

4. Thể thức thi đấu, cách tính điểm:

a. Thể thức thi đấu: Căn cứ vào số đội đăng ký, ban tổ chức sẽ chọn hình thức thi đấu cho phù hợp.

b. Cách tính điểm:

- Các trận đấu thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2. Đội thắng 02 điểm, đội thua 0 điểm. Đội nào nhiều điểm hơn được xếp trên.

- Trong trường hợp có 2 hay nhiều đội có tổng số điểm bằng nhau thì xét theo thứ tự: (1) tính tỷ số tổng hiệp thắng/tổng hiệp thua đội lớn hơn được xếp trên, (2) nếu vẫn bằng nhau tính tỷ số tổng quả thắng/tổng quả thua đội lớn hơn được xếp trên, (3) nếu vẫn bằng nhau tính đối đầu trực tiếp đội thắng trận đấu đó được xếp trên.

5. Luật thi đấu:

- Luật thi đấu: Áp dụng luật thi đấu Bóng chuyền hơi do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

- Bóng, lưới thi đấu: Bóng chuyền hơi Động Lực Hoa xoáy màu vàng cam, trọng lượng 250 gram cho nam và 200 gram cho nữ. Lưới cao nam 2m20, nữ 2m00.

- Trang phục thi đấu: Các đội dự giải phải có trang phục thi đấu theo luật Bóng chuyền hơi.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Công Kiên. ĐT: 0912.424.642.

Điều 12. Môn Bóng đá

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: Nam 11 tuổi trở xuống (Sinh năm 2014 trở lại đây).
- b. Nhóm tuổi 2: Nam 12 - 13 tuổi (Sinh năm 2013 - 2012).
- c. Nhóm tuổi 3: Nam 18 - 50 tuổi (Sinh năm 2007 - 1975).
- d. Nữ không phân biệt lứa tuổi.

2. Số lượng vận động viên tham gia:

- Mỗi cụm được đăng ký 02 đội nam ở nhóm tuổi 1, 2 và 02 đội nữ, mỗi đội gồm 12 vận động viên (5 vận động viên chính thức và 7 vận động viên dự bị), 1 trưởng đoàn, 1 huấn luyện viên, 1 săn sóc viên.

- Mỗi cụm được đăng ký 02 đội nam nhóm tuổi 3 gồm 14 vận động viên (7 vận động viên chính thức và 7 vận động viên dự bị), 1 trưởng đoàn, 1 huấn luyện viên, 1 săn sóc viên.

3. Luật thi đấu:

- Áp dụng Luật thi đấu Bóng đá mini 5 người do Liên đoàn bóng đá Việt Nam ban hành và các điều luật bổ sung cho nhóm tuổi 1, 2 và nữ. Luật thi đấu Bóng đá 7 người do Liên đoàn bóng đá Việt Nam ban hành cho nhóm tuổi 3.

- Vòng loại trực tiếp: Nếu 2 hiệp chính hoà sẽ thi đá luân lưu để xác định đội thắng, thua (không đá hiệp phụ).

- Bóng thi đấu: Bóng đá Động lực (số 4 cho nhóm tuổi 1, 2; số 5 cho nữ và nhóm tuổi 3).

- Trang phục thi đấu: Mỗi đội bóng phải có 2 bộ quần áo khác màu để tham dự. Giày thi đấu: Giày đế mềm có nệm chống trơn hoặc giày vải đế cao su.

- Thời gian thi đấu: Nhóm tuổi 1, 2 và nữ thi đấu 2 hiệp, mỗi hiệp 20 phút, nghỉ giữa mỗi hiệp 10 phút. Nhóm tuổi 3 thi đấu 2 hiệp, mỗi hiệp 25 phút, nghỉ giữa mỗi hiệp 10 phút.

4. Tính điểm xếp hạng:

- Vòng bảng thi đấu vòng tròn một lượt tính điểm, từ vòng 2 đấu loại trực tiếp;

- Tính điểm: Thắng 3 điểm, hoà 1 điểm, thua 0 điểm;

- Xếp hạng: Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội đó với nhau theo thứ tự:

+ Số điểm;

+ Hiệu số bàn thắng và số bàn thua;

+ Tổng số bàn thắng;

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

- Nếu các chỉ số trên bằng nhau, thì tiếp tục xét các chỉ số của toàn bộ các trận đấu trong bảng theo thứ tự:

+ Hiệu số của tổng số bàn thắng và tổng số bàn thua;

+ Tổng số bàn thắng;

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

- Nếu các chỉ số bằng nhau, sẽ tổ chức bốc thăm để xác định đội xếp trên.

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Đinh Như Trung - ĐT: 0912.628.844

Điều 13. Môn Bóng rổ

1. Đối tượng:

a. Nhóm tuổi 1: 12 - 15 tuổi (Sinh năm 2013 - 2010).

b. Nhóm tuổi 2: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).

2. Số lượng:

- Mỗi cụm được đăng ký 02 đội nam và 02 đội nữ tham dự;

- Mỗi đội được đăng ký 16 vận động viên và chốt danh sách 12 vận động viên chính thức vào ngày bốc thăm.

3. Luật - Thể thức thi đấu:

- Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Bóng rổ do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

- Bóng thi đấu: Do Ban tổ chức quy định.

- Quy định về trang phục: Các đội tham dự chuẩn bị 2 bộ trang phục thi đấu (2 màu sáng, tối khác biệt), in số theo đúng quy định của Luật Bóng rổ (số áo từ số 00 đến số 99, không được đăng ký số áo có ba chữ số hoặc các ký tự đặc biệt).

- Quy định cách tính điểm: Áp dụng Luật Bóng rổ hiện hành của Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam cụ thể trong cùng một bảng nếu có 02 đội hoặc hơn 02 đội có số điểm bằng nhau sẽ áp dụng cách xếp hạng theo thứ tự sau:

- + Hiệu số điểm thắng - thua cao hơn của trận đấu giữa các đội này;
- + Điểm đã ghi được cao hơn của trận đấu giữa các đội này;
- + Hiệu số điểm thắng thua của tất cả các trận đấu trong bảng;
- + Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau Ban tổ chức sẽ áp dụng bốc thăm.

4.2. Thể thức thi đấu: Ban tổ chức sẽ thông báo trong buổi họp bốc thăm.

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Công Kiên. ĐT: 0912.424.642.

Điều 14. Môn Bơi

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 11 tuổi trở xuống (Sinh năm 2014 trở lại đây).
- b. Nhóm tuổi 2: 12 - 13 tuổi (Sinh năm 2013 - 2012).
- c. Nhóm tuổi 3: 14 - 15 tuổi (Sinh năm 2011 - 2010).
- d. Nhóm tuổi 4: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).
- e. Nhóm tuổi 5: 19 - 30 tuổi (Sinh năm 2006 - 1995).
- f. Nhóm tuổi 6: 31 - 40 tuổi (Sinh năm 1994 - 1985).
- g. Nhóm tuổi 7: 41 - 50 tuổi (Sinh năm 1984 - 1975).
- h. Nhóm tuổi 8: 51 - 60 tuổi (Sinh năm 1974 - 1965).

2. Nội dung thi đấu:

a. Nhóm tuổi 1:

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ngửa: 50m (nam, nữ);

b. Nhóm tuổi 2-8:

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);

- Bơi ếch: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);

3. Thể thức thi đấu:

Chung kết tính thời gian trực tiếp để xếp hạng ở từng nội dung thi đấu.

4. Số lượng vận động viên tham gia:

- Mỗi cụm, mỗi cự ly của mỗi lứa tuổi, được đăng ký tối đa 03 vận động viên.
- Mỗi vận động viên được đăng ký thi đấu tối đa 02 cự ly.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bơi do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành năm 2015 và Luật thi đấu và quy định bổ sung hiện hành của tổ chức Thể thao dưới nước Thế giới mà Việt Nam là thành viên.

*Lưu ý: các cự ly thi đấu diễn ra phải có tối thiểu từ 03 đơn vị trở lên.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Thủy - ĐT: 0364.368.380

Điều 15. Môn Billiards.

1. Đối tượng:

Không giới hạn độ tuổi tham gia.

2. Nội dung:

- Đơn nam Pool 9 bi (đánh đến 9).
- Đơn nữ Pool 9 bi (đánh đến 7).
- Đôi nam Pool 9 bi (đánh đến 7).

3. Số lượng vận động viên tham gia:

- Mỗi cụm được đăng ký tối đa 04 vận động viên ở nội dung đơn và 02 đôi ở nội dung đôi;
- Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký 01 nội dung thi đấu.

4. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Billiards&Snooker do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Tĩnh - ĐT: 0947.476.796

Điều 16. Môn Cầu lông

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 12 - 13 tuổi (Sinh năm 2013 - 2012).
- b. Nhóm tuổi 2: 14 - 15 tuổi (Sinh năm 2011 - 2010).
- c. Nhóm tuổi 3: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).

- d. Nhóm tuổi 4: 19 - 30 tuổi (Sinh năm 2006 - 1995).
- e. Nhóm tuổi 5: 31 - 40 tuổi (Sinh năm 1994 - 1985).
- f. Nhóm tuổi 6: 41 - 50 tuổi (Sinh năm 1984 - 1975).
- g. Nhóm tuổi 7: 51 - 60 tuổi (Sinh năm 1974 - 1965).

2. Nội dung thi đấu:

- Nhóm 1-3: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ.
- Nhóm 4 đến nhóm 7: Đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

3. Số lượng vận động viên:

- Mỗi cụm được đăng ký 02 đơn nam, 02 đơn nữ ở nhóm 1,2,3.
- Mỗi cụm được đăng ký 02 đôi nam, 02 đôi nữ, 02 đôi nam nữ ở các nhóm 1,2,3,4,5,6,7.
- Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký thi đấu 01 nội dung.

4. Thể thức thi đấu:

Căn cứ vào số lượng đăng ký ở từng nhóm tuổi Ban tổ chức sẽ chọn hình thức thi đấu cho phù hợp.

5. Luật thi đấu:

- Áp dụng theo Luật thi đấu Cầu lông do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.
- Trang phục: Ở các nội dung thi đấu đôi, các vận động viên phải mặc đồng phục thi đấu theo quy định.
- Cầu thi đấu: Do Ban tổ chức lựa chọn.
- Lưu ý: Ban tổ chức trao đồng giải ba ở các nội dung thi đấu khi có đủ 06 đơn, đôi trở lên.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Thủy - ĐT: 0364.368.380

Điều 17. Môn Cờ tướng

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 7 tuổi trở xuống (Sinh năm 2018 trở lại đây).
- b. Nhóm tuổi 2: 8 - 9 tuổi (Sinh năm 2017 - 2016).
- c. Nhóm tuổi 3: 10 - 11 tuổi (Sinh năm 2015 - 2014).
- d. Nhóm tuổi 4: 12 - 13 tuổi (Sinh năm 2013 - 2012).
- e. Nhóm tuổi 5: 14 - 15 tuổi (Sinh năm 2011 - 2010).
- f. Nhóm tuổi 6: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).
- g. Nhóm tuổi 7: 19 - 30 tuổi (Sinh năm 2006 - 1995).

h. Nhóm tuổi 8: 31 - 40 tuổi (Sinh năm 1994 - 1985).

i. Nhóm tuổi 9: 41 - 50 tuổi (Sinh năm 1984 - 1975).

k. Nhóm tuổi 10: 51 tuổi trở lên (Sinh năm 1974 trở về trước).

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, cờ nhanh cho các nhóm tuổi

3. Thể thức thi đấu.

- Các vận động viên thi đấu ở hai nội dung: Cờ nhanh (25 phút mỗi bên) và Cờ tiêu chuẩn (60 phút mỗi bên)

- Tiến hành thi đấu theo hệ Thụy Sĩ có điều chỉnh trong 9 ván. Xếp hạt giống lần lượt theo: xếp theo vần tên (A, B, C). Nếu số vận động viên từ 10 trở xuống thì đấu vòng tròn 1 lượt. Vận động viên bỏ cuộc 1 ván không được thi đấu tiếp.

4. Số lượng vận động viên.

- Mỗi cụm, mỗi nhóm tuổi được cử 04 vận động viên nam, 04 vận động viên nữ thi đấu ở mỗi nội dung;

- Mỗi VĐV chỉ được tham gia thi đấu 01 nội dung.

5. Cách xếp hạng:

Xếp hạng cá nhân lần lượt theo: Điểm, ván đối kháng giữa các vận động viên cùng điểm, hệ số Buchholz, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen, bốc thăm.

6. Luật thi đấu.

- Áp dụng Luật thi đấu Cờ Tướng của Liên đoàn Cờ Tướng Việt Nam ban hành.

- Các vận động viên đi muộn quá 30 phút bị xử thua ván đó.

- Vận động viên bỏ cuộc 01 ván sẽ bị loại khỏi giải.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Trần Thị Thủy - Điện thoại: 0977.283.559

Điều 18. Môn Cờ Vua

1. Đối tượng:

a. Nhóm tuổi 1: 7 tuổi trở xuống (Sinh năm 2018 trở lại đây).

b. Nhóm tuổi 2: 8 - 9 tuổi (Sinh năm 2017 - 2016).

c. Nhóm tuổi 3: 10 - 11 tuổi (Sinh năm 2015 - 2014).

d. Nhóm tuổi 4: 12 - 13 tuổi (Sinh năm 2013 - 2012).

e. Nhóm tuổi 5: 14 - 15 tuổi (Sinh năm 2011 - 2010).

f. Nhóm tuổi 6: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).

g. Nhóm tuổi 7: 19 - 30 tuổi (Sinh năm 2006 - 1995).

h. Nhóm tuổi 8: 31 - 40 tuổi (Sinh năm 1994 - 1985).

i. Nhóm tuổi 9: 41 - 50 tuổi (Sinh năm 1984 - 1975).

k. Nhóm tuổi 10: 51 tuổi trở lên (Sinh năm 1974 trở về trước).

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn, cờ nhanh cho các nhóm tuổi

3. Thể thức thi đấu.

- Các vận động viên thi đấu ở hai nội dung: Cờ nhanh (25 phút mỗi bên) và Cờ tiêu chuẩn (60 phút mỗi bên)

- Tiến hành thi đấu theo hệ Thụy Sĩ có điều chỉnh trong 9 ván. Xếp hạt giống lần lượt theo: xếp theo vắn tên (A, B, C). Nếu số vận động viên từ 10 trở xuống thì đấu vòng tròn 1 lượt. Vận động viên bỏ cuộc 1 ván không được thi đấu tiếp.

4. Số lượng vận động viên.

- Mỗi cụm, mỗi nhóm tuổi được cử 04 vận động viên nam, 04 vận động viên nữ thi đấu ở mỗi nội dung;

- Mỗi vận động viên chỉ được tham gia thi đấu 01 nội dung.

5. Cách xếp hạng:

Xếp hạng cá nhân lần lượt theo: Điểm, ván đôi kháng giữa các vận động viên cùng điểm, hệ số Buchholz, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen, bốc thăm.

6. Luật thi đấu.

- Áp dụng Luật thi đấu Cờ Vua của Liên đoàn Cờ Việt Nam ban hành.

- Các vận động viên đi muộn quá 30 phút bị xử thua ván đó.

- Vận động viên bỏ cuộc 01 ván sẽ bị loại khỏi giải.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Trần Thị Thủy - Điện thoại: 0977.283.559

Điều 19. Môn Đá cầu

1. Đối tượng:

a. Nhóm tuổi 1: 11 tuổi trở xuống (Sinh năm 2014 trở lại đây).

b. Nhóm tuổi 2: 12 - 15 tuổi (Sinh năm 2013 - 2010).

c. Nhóm tuổi 3: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).

d. Nhóm tuổi 4: 19 - 35 tuổi (Sinh năm 2006 - 1990).

2. Nội dung thi đấu

- Nhóm tuổi 1: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

- Nhóm tuổi 2,3,4: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ, đội tuyển nam, đội tuyển nữ.

3. Số lượng vận động viên tham gia:

Mỗi cụm, mỗi nhóm tuổi được cử 04 vận động viên nam, 04 vận động viên nữ, 02 đôi nam, 02 đôi nữ, 02 đôi nam nữ, 01 đội tuyển nam (từ 03-06 vận động viên) và 02 đội tuyển nữ (từ 03-06 vận động viên) tham gia. Mỗi vận động viên chỉ được tham gia ở 01 nội dung thi đấu.

4. Thể thức thi đấu: Tuỳ theo số lượng vận động viên đăng ký của từng nhóm tuổi Ban tổ chức sẽ quy định thi đấu loại trực tiếp hoặc chia bảng đấu vòng tròn tính điểm.

5. Luật thi đấu:

- Áp dụng Luật thi đấu Đá cầu do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

- Các vận động viên cùng đơn vị không gặp nhau trong trận đấu.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Mạnh Hùng - ĐT: 0918.833.690

Điều 20. Môn Điền kinh

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 11 tuổi trở xuống (Sinh năm 2014 trở lại đây).
- b. Nhóm tuổi 2: 12 - 15 tuổi (Sinh năm 2013 - 2010).
- d. Nhóm tuổi 3: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).
- e. Nhóm tuổi 4: 19 - 35 tuổi (Sinh năm 2006 - 1990).

2. Nội dung:

a. Nhóm tuổi 1:

- Nam: Chạy 60m, 200m, bật xa tại chỗ;
- Nữ: Chạy 60m, 200m, bật xa tại chỗ;
- Tiếp sức 4x50m (2 nam, 2 nữ).

b. Nhóm tuổi 2:

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 1500m, tiếp sức 4x100m, nhảy xa, nhảy cao;
- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, tiếp sức 4x100m, nhảy xa, nhảy cao.
- Tiếp sức 4x100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

c. Nhóm tuổi 3:

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m, tiếp sức 4x100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 5kg;

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 2000m, tiếp sức 4x100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 3kg.

- Tiếp sức 4x100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ).

d. Nhóm tuổi 4:

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 5kg, tiếp sức 4x100m;

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 3kg, tiếp sức 4x100m;

- Tiếp sức 4x100m hỗn hợp (2 nam, 2 nữ).

3. Thể thức thi đấu: Cá nhân, đồng đội

4. Số lượng vận động viên tham gia:

Mỗi cụm, mỗi nội dung được đăng ký 04 vận động viên và 02 đội tiếp sức (được lấy bất kỳ vận động viên có tên trong đăng ký thi đấu). Mỗi vận động viên được dự thi tối đa 02 nội dung (không kể nội dung tiếp sức).

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Điền kinh do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Tĩnh - ĐT: 0947.476.796

Điều 21. Môn Karate

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 9 - 11 tuổi (Sinh năm 2016 - 2014).
- b. Nhóm tuổi 2: 12 - 14 tuổi (Sinh năm 2013 - 2011).
- c. Nhóm tuổi 3: 15 - 17 tuổi (Sinh năm 2010 - 2008).
- d. Nhóm tuổi 4: +18 tuổi (Sinh năm 2007 trở về trước).

2. Tính chất: Thi đấu cá nhân và đồng đội.

3. Nội dung:

3.1. Nhóm tuổi 1: mỗi cụm được đăng ký

- Thi Kata đồng đội nam (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kata đồng đội nữ (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kata cá nhân: 02 vận động viên nam, 02 vận động viên nữ;

3.2. Nhóm tuổi 2: mỗi cụm được đăng ký

- Thi Kata đồng đội nam (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kata đồng đội nữ (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kata cá nhân: 02 vận động viên nam, 02 vận động viên nữ;

- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ: 02 vận động viên tham gia cho mỗi hạng cân:

+ Nam 7 hạng cân: Đến 40kg, đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg; trên 65kg;

+ Nữ 7 hạng cân: Đến 36kg, đến 40kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg; trên 56 kg;

3.3. Nhóm tuổi 3: mỗi cụm được đăng ký

- Thi Kata đồng đội nam (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kata đồng đội nữ (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kata cá nhân: 02 vận động viên nam, 02 vận động viên nữ;
- Thi Kumite đồng đội nam (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kumite đồng đội nữ (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ: 02 vận động viên tham gia cho mỗi hạng cân:

+ Nam 7 hạng cân: đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg; trên 70 kg;

+ Nữ 7 hạng cân: đến 40 kg, đến 44kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg; trên 60kg;

3.4. Nhóm tuổi 4: mỗi cụm được đăng ký

- Thi Kata đồng đội nam (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kata đồng đội nữ (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kata cá nhân: 02 vận động viên nam, 02 vận động viên nữ;
- Thi Kumite đồng đội nam (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kumite đồng đội nữ (2 đội): 03 vận động viên + 01 vận động viên dự bị;
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ: 02 vận động viên tham gia cho mỗi hạng cân:

+ Nam 7 hạng cân: đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg, đến 75kg, đến 80kg; trên 80 kg;

+ Nữ 7 hạng cân: đến 44 kg, đến 47kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg; trên 65kg;

4. Luật thi đấu:

- Áp dụng Luật thi đấu của Liên đoàn Karate thế giới (WKF) do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

- Các vận động viên phải được trang bị (bắt buộc): Quần áo thi đấu Karate đúng quy định; Các dụng cụ bảo vệ: Bịt răng, bảo vệ hạ bộ, găng thi đấu 02 loại màu xanh, đỏ, bảo vệ cơ thể; Đai thi đấu 2 loại xanh đỏ; Bảo vệ ống quyển và bàn chân 2 màu xanh, đỏ.

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Hồng Thúy - ĐT: 0368.720.342

Điều 22. Môn Kéo co**1. Đối tượng:**

- a. Nhóm tuổi 1: 14 - 15 tuổi (Sinh năm 2011 - 2010).
- b. Nhóm tuổi 2: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).
- c. Nhóm tuổi 3: 19 - 40 tuổi (Sinh năm 2006 - 1985).

2. Số lượng:

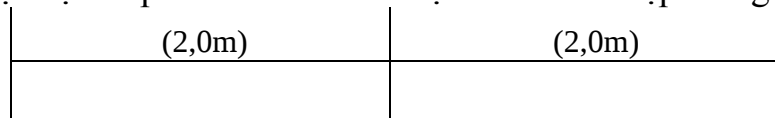
Mỗi cụm được cử 02 đội nam, 02 đội nữ của mỗi nhóm tuổi tham dự giải. Mỗi đội gồm 10 vận động viên (08 vận động viên chính thức và 2 vận động viên dự bị), 1 trưởng đoàn, 1 huấn luyện viên, 1 săn sóc viên.

3. Nội dung thi đấu:

- a. Nhóm tuổi 1: 14 - 15 tuổi: nam thi đấu hạng cân 480kg, nữ 440kg.
- b. Nhóm tuổi 2: 16 - 18 tuổi: nam thi đấu hạng cân 520kg, nữ 480kg.
- c. Nhóm tuổi 3: 19 - 40 tuổi: nam thi đấu hạng cân 560kg, nữ 520kg.

4. Thể thức thi đấu:

Thi đấu loại trực tiếp 1 lần thua. Mỗi trận thi đấu 3 hiệp thắng 2.



5. Trang phục: Mỗi đội chuẩn bị 02 bộ trang phục khác màu, có in tên đơn vị sau lưng áo, đi giày bata thể thao (không đi các loại giày có đinh, giày da...), nếu đơn vị nào không có trang phục như trên Ban tổ chức sẽ không cho thi đấu.

6. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Kéo co do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Mạnh Hùng - ĐT: 0918.833.690

Điều 23. Môn Khiêu vũ thể thao**1. Đối tượng:**

- a. Nhóm tuổi 1: từ 18 tuổi trở xuống (sinh năm 2007 trở về đây).
- b. Nhóm tuổi 2: từ 19 tuổi trở lên (sinh năm 2006 trở về trước).

2. Nội dung thi đấu: Gồm 14 nội dung (14 bộ huy chương)

a. Nội dung 5 điệu Latin: Ký hiệu **Hạng A** (các vận động viên thi cả 5 nội dung đơn mới được 1 bộ huy chương):

- Nội dung điệu đơn Cha cha cha (Ký hiệu là C)
- Nội dung điệu đơn Rumba (Ký hiệu là R)
- Nội dung điệu đơn Jive (Ký hiệu là J)
- Nội dung điệu đơn Samba (Ký hiệu là S)

- Nội dung điệu đơn Paso Doble (Ký hiệu là P)

b. Nội dung 5 điệu Standard: Ký hiệu **Hạng A** (các vận động viên thi cả 5 nội dung đơn mới được 1 bộ huy chương):

- Nội dung điệu đơn Waltz (Ký hiệu W)
- Nội dung điệu đơn Viennese Waltz (Ký hiệu V)
- Nội dung điệu đơn Tango (Ký hiệu T)
- Nội dung điệu đơn Quickstep (Ký hiệu Q)
- Nội dung điệu đơn Slow Foxtrot (Ký hiệu F)

c. Các vận động viên thi đấu nhảy đôi.

Mỗi cặp vận động viên được đăng ký 3 nội dung gồm: 1 nội dung 5 điệu (bắt buộc) và 2 nội dung thi đấu đơn.

d. Nội dung Solo (nhảy 1 người):

- 5 điệu Latin.
- 5 điệu Standard.

3. Luật thi đấu và chấm điểm: theo quy định của WDSF.

- Âm nhạc do Ban tổ chức quyết định.
- Thời gian thi đấu cho mỗi nội dung đơn tối đa là 2 phút
- Đấu loại:

+ Chia theo vòng, số lượng vòng tùy thuộc vào số lượng đôi nhảy đăng ký tham dự.

+ Mỗi vòng loại $\frac{1}{2}$ đôi nhảy tham dự.

+ Mỗi vòng chia làm nhiều lượt từ 6 đôi trở lên đến tối đa chỉ có 12 đôi nhảy cùng nhau trong một nhóm.

- Vòng chung kết: hạng A ở các điệu nhảy mà có phần thi đơn (SOLO) mỗi cặp nhảy thực hiện phần thi đơn trước, sau đó thực hiện phần thi nhóm.

- Thứ tự các cặp vận động viên thực hiện thi đơn (Solo) theo bốc thăm.

- Trang phục: Các cặp nhảy phải mặc trang phục thi đấu Khiêu vũ thể thao đúng quy định của W.D.F.S.

4. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Lê Minh Dũng. ĐT: 0906.250.864

Điều 24. Môn Pencak Silat

1. Đối tượng:

- Nhóm tuổi 1: 12 - 15 tuổi (Sinh năm 2013 - 2010).
- Nhóm tuổi 2: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).
- Nhóm tuổi 3: 19 - 35 tuổi (Sinh năm 2006 - 1990).

2. Nội dung:

a. Đối kháng: mỗi cụm được đăng ký 02 vận động viên của mỗi hạng cân

* Nhóm tuổi 1: Thi đấu chênh lệch nhau 2kg.

- Nam: 36kg, 38kg, 40kg, 42kg, 44kg, 46kg, 48kg, 50kg, 52kg, 54kg, 56kg, trên 56kg

- Nữ: 34kg, 36kg, 38kg, 40kg, 42kg, 44kg, 46kg, 48kg, 50kg, 52kg, 54kg, trên 54kg

* Nhóm tuổi 2: Thi đấu chênh lệch nhau 3kg.

- Nam: 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, 63kg, 66 kg, 69kg, trên 69kg

- Nữ: 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, 63kg, 66kg, trên 66kg

* Nhóm tuổi 3: Thi đấu chênh lệch nhau 5kg.

- Nam: 45kg, 50kg, 55kg, 60kg, 65kg, 70kg, 75kg, trên 75kg

- Nữ: 45kg, 50kg, 55kg, 60kg, 65kg, trên 65kg

b. Quyền biểu diễn: Bài quyền quy định, mỗi cụm được đăng ký 02 vận động viên của nội dung cá nhân, 02 đôi của nội dung đôi và 02 đội của nội dung đồng đội:

- Đơn nam, đơn nữ;

- Đôi nam, đôi nữ (02 vận động viên)

- Đồng đội nam, đồng đội nữ (3 vận động viên)

3. Thể thức thi đấu.

Thi đấu cá nhân loại trực tiếp (Knock-out).

4. Các quy định về chuyên môn.

- Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Pencak Silat do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành năm 2020 và có sửa đổi năm 2022.

- Các trận đấu diễn ra trong 3 hiệp, mỗi hiệp 1,5 phút, nghỉ giữa hiệp 1 phút.

- Cân kiểm tra vận động viên trước khi thi đấu và mang võ phục.

- Quy định về trang phục: Huấn luyện viên, chỉ đạo viên, vận động viên phải có đai, võ phục, bình khí theo quy định của môn Pencak Silat và tự chuẩn bị bảo hiểm cá nhân.

4. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Thủy - ĐT: 0364.368.380

Điều 25. Môn Quần vợt

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 12 - 15 tuổi (Sinh năm 2013 - 2010).
- b. Nhóm tuổi 2: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).
- c. Nhóm tuổi 3: 19 - 30 tuổi (Sinh năm 2006 - 1995).
- d. Nhóm tuổi 4: 31 - 40 tuổi (Sinh năm 1994 - 1985).
- e. Nhóm tuổi 5: 41 - 50 tuổi (Sinh năm 1984 - 1975).
- f. Nhóm tuổi 6: 51 - 60 tuổi (Sinh năm 1974 - 1965).

2. Nội dung thi đấu: Đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

3. Số lượng vận động viên:

- Mỗi cụm, mỗi nội dung, mỗi nhóm tuổi được đăng ký 02 đôi.
- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký thi đấu 01 nội dung.

4. Thể thức thi đấu: Căn cứ vào số lượng đăng ký ở từng nhóm tuổi Ban tổ chức sẽ chọn hình thức thi đấu cho phù hợp.

5. Luật thi đấu:

- Áp dụng luật thi đấu của ITF do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành. Có áp dụng quy tắc tác phong.
- Các nội dung thi đấu thống nhất thi đấu một set đến 6 (5 đều đánh đến 7, 6 đều đánh Tiebreak).
- Các nội dung thi đấu khi điểm số của game đấu là 40 - 40 sẽ đánh 1 điểm quyết định.

- Bóng thi đấu: Dunlop

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Đinh Như Trung - ĐT: 0912.628.844

Điều 26. Môn Roller Sports

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 9 tuổi trở xuống (Sinh năm 2018 trở lại đây).
- b. Nhóm tuổi 2: 10 - 11 tuổi (Sinh năm 2015 - 2014).
- c. Nhóm tuổi 3: 12 - 13 tuổi (Sinh năm 2013 - 2012).
- d. Nhóm tuổi 4: 14 - 15 tuổi (Sinh năm 2011 - 2010).
- e. Nhóm tuổi 5: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).
- f. Nhóm tuổi 6: 19 - 35 tuổi (Sinh năm 2006 - 1990).

2. Nội dung: Patin tốc độ

- Nhóm tuổi 1-2: Cá nhân nam, nữ. Cự ly: 500m, 1.000m.
- Nhóm tuổi 3-4: Cá nhân nam, nữ. Cự ly: 1.000m, 2.000m.
- Nhóm tuổi 5-6: Cá nhân nam, nữ. Cự ly: 2.000m, 3.000m.

3. Số lượng vận động viên tham gia:

- Mỗi cụm, mỗi cự ly của mỗi nhóm tuổi được đăng ký 04 vận động viên;

- Mỗi vận động viên được đăng ký thi đấu tối đa 02 cự ly

4. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu của Liên đoàn Roller quốc tế do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Ngân - ĐT: 0385.007.759

Điều 27. Môn Taekwondo

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 12 - 14 tuổi (Sinh năm 2013 - 2011).
- b. Nhóm tuổi 2: 15 - 17 tuổi (Sinh năm 2010 - 2008).
- c. Nhóm tuổi 3: 18 - 35 tuổi (Sinh năm 2007 - 1990).

2. Tính chất thi đấu:

Đối kháng cá nhân và đồng đội (nam, nữ); quyền cá nhân, quyền đôi nam - nữ và quyền đồng đội (nam, nữ), biểu diễn đồng đội.

3. Nội dung thi đấu:

3.1. Đối kháng cá nhân:

- Nhóm tuổi 1:

+ Nam: dưới 33 kg, 37kg, 41 kg, 45 kg, 49 kg, 53kg, 57kg, 61kg, 65kg, trên 65kg;

+ Nữ: dưới 29kg, 33kg, 37 kg, 41 kg, 44 kg, 47kg, 51kg, 55kg, 59kg, trên 59kg;

- Nhóm tuổi 2:

+ Nam: dưới 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg 73kg, 78kg, trên 78kg;

+ Nữ: dưới 42kg, 44kg, 46kg, 49kg, 52kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg, trên 68kg.

- Nhóm tuổi 3:

+ Nam: dưới 54kg, 58kg, 63kg, 68kg, 74kg, 80kg, 87kg, trên 87kg;

+ Nữ: dưới 46kg, 49kg, 53kg, 57kg, 62kg, 67kg, 73kg, trên 73kg.

3.2. Đối kháng đồng đội 3 nhóm tuổi

- Mỗi vận động viên chỉ được tham dự 01 nội dung đồng đội ở mỗi lứa tuổi.

- Mỗi đội có đủ 03 vận động viên (không có dự bị).

- Phương thức thi đấu: trận đấu được tiến hành theo thứ tự vận động viên có số cân nặng từ thấp đến cao.

3.2.1. Đồng đội nam:

- Nhóm tuổi 1: không quá 165 kg trên 03 vận động viên.

- Nhóm tuổi 2: không quá 195 kg trên 03 vận động viên.

- Nhóm tuổi 3: không quá 220 kg trên 03 vận động viên.

3.2.2. Đồng đội nữ:

- Nhóm tuổi 1: không quá 150 kg trên 03 vận động viên.

- Nhóm tuổi 2: không quá 175 kg trên 03 vận động viên.
- Nhóm tuổi 3: không quá 190 kg trên 03 vận động viên.

3.3. Biểu diễn đồng đội:

- Mỗi đội từ 5 đến 10 vận động viên (có ít nhất 02 nam, 02 nữ).
- Nội dung trong bài biểu diễn và thời gian theo luật của Liên đoàn Taekwondo Việt Nam áp dụng tại các giải thi đấu quốc gia.

3.4. Thể thức thi đấu đối kháng là đấu loại trực tiếp.

3.5. Thi quyền tiêu chuẩn (standard poomsae): Cá nhân nam, cá nhân nữ; đồng đội nam, đồng đội nữ và đôi nam - nữ.

- Nhóm tuổi 1: Thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 08 bài quyền Taegeuk 4, 5, 6, 7, 8, Koryo, Keumgang, Taebaek;

- Nhóm tuổi 2, 3: Thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 07 bài quyền Taegeuk 6, 7, 8, Koryo, Keumgang, Taebaek, Pyongwon;

+ Vòng bán kết và chung kết thi 02 bài quyền: bốc thăm 02 trong 05 bài quyền còn lại.

3.6. Thể thức thi đấu quyền là vòng tròn một lượt tính điểm lấy 8 đội vào thi đấu vòng chung kết. Tại vòng chung kết sẽ bốc thăm thi 02 bài quyền trong số các bài quyền còn lại.

4. Số lượng vận động viên tham gia:

- Thi đấu đối kháng và quyền cá nhân: Mỗi cụm được đăng 02 vận động viên tham gia thi đấu ở mỗi hạng cân, mỗi nhóm tuổi.
- Thi đấu đối kháng, quyền đồng đội: Mỗi cụm được đăng ký 02 đội.
- Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký tối đa 02 nội dung.
- Vận động viên phải có mã hội viên của Liên đoàn Taekwondo Việt Nam.

5. Luật thi đấu:

Áp dụng Luật của Liên đoàn Taekwondo thế giới (Three best Round) do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

- Thời gian thi đấu:
 - + Nhóm tuổi 1: 3 hiệp x 1 phút 00, giữa các hiệp nghỉ 45 giây;
 - + Nhóm tuổi 2: 3 hiệp x 1 phút 30, giữa các hiệp nghỉ 1 phút.
 - + Nhóm tuổi 3: 3 hiệp x 2 phút, giữa các hiệp nghỉ 1 phút.
- Các nội dung thi đấu đối kháng cá nhân nhóm tuổi 2, 3: thi đấu bằng hệ thống giáp điện tử và mũ điện tử KPNP.
- + Thi đấu đồng đội: 3 hiệp x 3 phút, nghỉ giữa các hiệp là 1 phút.
- Bên nào bị phạt 25 Gam Jeom trong 3 hiệp thi đấu chính thức trước sẽ bị xử thua cuộc.

- Khi 2 đội hoà trong 3 hiệp chính thức sẽ cử vận động viên thi đấu thêm hiệp 4 với thời gian 1 phút, bên nào ghi trước 4 điểm sẽ giành phần thắng chung cuộc, nếu vẫn hoà sẽ theo quyết định của tổ trọng tài trên sân cho ưu thế để chọn ra đội thắng cuộc.

6. Các quy định khác

- Phải mặc võ phục thi đấu (đối kháng, quyền) theo đúng quy định chuyên môn.

- Võ phục Taekwondo phải có in tên đơn vị ở lưng áo đối với thi quyền và đuôi áo đối với các nội dung thi đấu đối kháng. Nếu đơn vị không in tên đơn vị ở nội dung thi quyền sẽ bị trừ 1 điểm vào tổng điểm của mỗi bài quyền; ở nội dung đối kháng cá nhân sẽ bị trừ 1 điểm ở đầu mỗi hiệp thi đấu; ở nội dung thi đấu đồng đội sẽ bị trừ 1 điểm mỗi lần vận động viên không mang đúng trang phục bước vào sân thi đấu.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Ngân - Điện thoại: 0385.007.759

Điều 28. Môn Thể dục Aerobic

1. Đối tượng dự thi:

- Nhóm tuổi 1: 11 tuổi trở xuống (Sinh năm 2014 trở lại đây).
- Nhóm tuổi 2: 12 - 15 tuổi (Sinh năm 2013 - 2010).
- Nhóm tuổi 3: 16 - 35 tuổi (Sinh năm 2009 - 1990).

2. Nội dung:

*Mỗi đội phải dự thi 03 bài, nam/nữ/hỗn hợp:

- Bài quy định Thể dục cơ bản: 8 người (02 vận động viên dự bị);
- Bài Thể dục tự chọn: Nhóm 3 người (01 vận động viên dự bị);
- Bài Thể dục tự chọn: Nhóm 8 người (02 vận động viên dự bị).

2. Số lượng vận động viên:

Mỗi cụm, nhóm tuổi được đăng ký 02 đội, mỗi đội tối đa 20 vận động viên tham dự ở 3 nội dung. Mỗi vận động viên được tham dự tối đa 2 nội dung; Mỗi vận động viên chỉ được tham gia ở một nhóm tuổi duy nhất.

3. Thể thức thi đấu: Đồng đội

4. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Thể dục Aerobic do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

5. Các quy định khác: Trang phục: Các đội ra sân thi đấu trong trang phục quy định thể dục Aerobic; huấn luyện viên hay Đội trưởng ra sân thi đấu phải mặc trang phục thể thao.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Lê Minh Dũng - ĐT: 0906.250.864

Điều 29. Môn Thể dục dưỡng sinh

1. Đối tượng

Vận động viên nam, nữ từ 51 tuổi trở lên (sinh năm 1974 trở về trước).

2. Nội dung thi đấu

- Bài Quy định: Chọn một trong hai bài

+ Bài thể dục liên hoàn 9 động tác trên nền nhạc “Khỏe vì nước” của Hùng Lâm”.

+ Bài thể dục với gậy ngắn trên nền nhạc “Chủ nhật tươi hồng”.

Chú ý: Bài thi được thực hiện hết bài rồi di chuyển (2 lần trong một bài) các động tác sau di chuyển được lựa chọn trong các động tác của bài thi (không dùng cờ hoa băng rôn vào bài thi).

- Bài tự chọn: Chọn 1 trong 2 bài

+ Song Quạt đơn Nhạc “Việt Nam trên đường chúng ta đi”.

+ Thể dục với trùy bài 2 nhạc tập huấn.

Chú ý: Các bài thi ở nội dung tự chọn đều thực hiện 2 lần di chuyển.

3. Số lượng

Mỗi cụm được đăng ký 02 đội tham dự, mỗi đội gồm: 01 trưởng đoàn, 01 huấn luyện viên, 12 vận động viên và 02 vận động viên dự bị.

4. Thể thức thi đấu: Đồng đội.

5. Cách tính điểm

- Mỗi bài thi chỉ được thực hiện 1 lần. Điểm tính là điểm tổng của các trọng tài.

- Bài thi theo bài đã tập huấn của Thành phố.

- Xếp hạng thành tích qua kết quả thi đấu theo tổng điểm từ cao đến thấp.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Ghi chú: Mỗi nội dung thi đấu có từ 6 đội tham dự mới trao đồng giải ba.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Trần Thị Thủy - ĐT: 0977.283.559

Điều 30. Môn Thể thao điện tử

1. Đối tượng:

Không phân biệt lứa tuổi.

2. Nội dung (các môn thể thao thể hệ mới):

- Thể thao điện tử: Bóng đá, Bóng rổ và Audition.

- Thể thao thể chất số: Bóng đá, Bóng rổ.

- Vũ đạo thể thao giải trí số đa môn: Audition và Các môn vũ đạo gồm: Hiphop; Breaking Dance; Nhảy hiện đại; Shuffle; Dân vũ thể thao; Zumba; Cheer...

3. Số lượng vận động viên tham gia:

- Mỗi cụm, mỗi nội dung được đăng ký 02 đội.
- Bóng đá: 5 người (2 dự bị).
- Bóng rổ: 3 người (2 dự bị).
- Vũ đạo số đa môn: 25 người.

4. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu của Hội thể thao điện tử giải trí Việt Nam và Điều lệ bổ sung do Hội Thể thao giải trí Hà Nội ban hành.

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Đinh Như Trung - ĐT: 0912.628.844

Điều 31. Môn Vật Tự do - Vật Dân tộc

1. Đối tượng tham dự:

- a. Nhóm tuổi 1: từ 12 - 15 tuổi (sinh năm 2013 - 2010).
- b. Nhóm tuổi 2: từ 16 - 18 tuổi (sinh năm 2009 - 2007).
- c. Nhóm tuổi 3: từ 19 - 35 tuổi (sinh năm 2006 - 1990).

2. Nội dung thi đấu:

- a. Vật tự do (lứa tuổi 2,3):

+ Nam 10 hạng cân: 46kg, 48kg, 52kg, 54kg, 57kg, 60kg, 63kg, 66kg, 70kg, trên 75kg.

+ Nữ 10 hạng cân: 45kg, 48kg, 52kg, 54kg, 57kg, 60kg, 63kg, 65kg, 67kg, trên 69kg.

- b. Vật dân tộc:

+ Lứa tuổi 1: Nam 10 hạng cân: 30kg, 35kg, 38kg, 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 60kg, trên 60kg.

+ Lứa tuổi 2,3: Nam 10 hạng cân: 48kg, 52kg, 54kg, 57kg, 60kg, 63kg, 66kg, 70kg, 75kg, trên 75kg.

3. Số lượng vận động viên:

- Mỗi cụm, mỗi lứa tuổi, mỗi nội dung được đăng ký 02 vận động viên.
- Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký tham gia 01 nội dung thi đấu.

4. Thể thức thi đấu: Thi đấu cá nhân.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Vật tự do, Vật dân tộc do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Văn Trường. ĐT: 0849.784.188

Điều 32. Môn Võ cổ truyền

1. Đối tượng tham dự:

- a. Nhóm tuổi 1: 12 - 14 tuổi (Sinh năm 2013 - 2011).
- b. Nhóm tuổi 2: 15 - 17 tuổi (Sinh năm 2010 - 2008).
- c. Nhóm tuổi 3: 18 - 35 tuổi (Sinh năm 2007 - 1990).

2. Nội dung thi đấu:

a. Thi đấu đối kháng:

Nam

1. Từ 48kg đến 52kg
2. Từ 52kg đến 56kg
3. Từ 56kg đến 60kg
4. Từ 60kg đến 64kg
5. Từ 64kg đến 68kg

Nữ

1. Từ 44kg đến 48kg
2. Từ 48kg đến 52kg
3. Từ 52kg đến 56kg
4. Từ 56kg đến 60kg
5. Từ 60kg đến 64kg

b. Thi quyền quy định cá nhân: 10 bài quyền cho nam và nữ.

+ Tứ Linh Dao

+ Phong hoa đạo

+ Lão Hồ Thượng Sơn

+ Bát Quái Côn

+ Hùng Kê Quyền

+ Độc Lư Thương

+ Lão Mai Quyền

+ Roi Thái Sơn

+ Ngọc Trản Quyền

+ Siêu Xung Thiên

c. Thi quyền quy định đồng đội: 4 bài quyền cho đôi nam và đôi nữ.

+ Tứ Linh Dao

+ Roi Thái Sơn

+ Lão Hồ Thượng Sơn

+ Ngọc Trản Quyền

3. Số lượng VĐV:

- Đối kháng: Mỗi cụm được đăng ký 02 vận động viên cho 01 hạng cân.
Thi đấu loại trực tiếp 1 lần thua.

- Biểu diễn quyền: Mỗi cụm được đăng ký 02 vận động viên, 02 đôi cho mỗi nội dung cá nhân, đồng đội. Mỗi vận động viên được đăng ký tối đa 2 bài quy định.

4. Các quy định về chuyên môn:

- Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Võ cổ truyền do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

- Trang phục:

+ Vận động viên thi đấu quyền mặc quần áo võ màu đen, mang đai màu vàng.

+ Bảo hiểm hạ bộ, bảo hiểm răng (bắt buộc phải có), quần võ phục, áo cộc tay sát nách, băng tay, áo choàng... của vận động viên đơn vị tự trang bị.

- + Áo giáp, găng tay, mũ bảo hiểm thi đấu do Ban tổ chức trang bị.
- Các vận động viên tự cân xác định trọng lượng trước khi bốc thăm xếp lịch và được phép đăng ký chính thức tại cuộc họp bốc thăm xếp lịch thi đấu.
- Các vận động viên tham gia thi đấu cân chính thức vào lúc nhận trang phục thi đấu (khi cân mặc quần võ và áo cộc sát nách), những vận động viên thừa hoặc thiếu cân sẽ bị loại, vận động viên còn lại thắng kỹ thuật.

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Văn Trường. ĐT: 0849.784.188

Điều 33. Môn Vovinam

1. Đối tượng:

- a. Nhóm tuổi 1: 15 - 17 tuổi (Sinh năm 2010 - 2008).
- c. Nhóm tuổi 2: 18 - 35 tuổi (Sinh năm 2007 - 1990).

2. Nội dung: Thi quyền và thi đấu đối kháng

a. Thi quyền

- Đơn luyện nam: Ngũ môn quyền và Tứ tượng côn pháp;
- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;
- Song luyện nam: Song luyện số 3;
- Song luyện nữ: Song luyện số 3;
- Đa luyện nam: Đa luyện tay không và Đa luyện vũ khí;
- Đa luyện nữ: Đa luyện tay không và Đa luyện vũ khí;
- Đòn chân tấn công nam: Mỗi đơn vị cử một đội gồm 4 vận động viên, mỗi vận động viên thi 4 đòn chân;
- Tự vệ nữ: Thực hiện tối thiểu 12 đòn, không quá 3 phút;
- Kết quả bài thi được đánh giá bằng tổng số điểm của 3/5 trọng tài giám định (bỏ điểm cao nhất và thấp nhất);
- Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 2 hay nhiều vận động viên, tập thể bằng điểm nhau thì xét vận động viên, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài cho điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng.

b. Phần thi đấu đối kháng:

Nam	Nữ
1. Trên 45kg đến 48kg	1. Trên 45kg đến 48kg
2. Trên 48kg đến 51kg	2. Trên 48kg đến 51kg
3. Trên 51kg đến 54kg	3. Trên 51kg đến 54kg
4. Trên 54kg đến 57kg	4. Trên 54kg đến 57kg

5. Trên 57kg đến 60kg

6. Trên 60kg đến 64kg

7. Trên 64kg đến 68kg

5. Trên 57kg đến 60kg

6. Trên 60kg đến 64kg

7. Trên 64kg đến 68kg

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp một lần thua.

4. Số lượng vận động viên tham gia:

- Thi quyền: Mỗi cụm, mỗi nội dung được đăng ký 02 vận động viên, 02 đội. Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký thi đấu tối đa 2 nội dung.

- Thi đấu đối kháng: Mỗi cụm, mỗi hạng cân được đăng ký 02 vận động viên.

5. Luật thi đấu và thời gian thi đấu:

- Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Vovinam do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.

- Trang phục: Quần áo võ phục, binh khí, bảo hiểm hạ bộ, răng, băng tay của vận động viên đơn vị tự trang bị (*áo giáp, găng tay, mũ bảo hộ do Ban tổ chức trang bị*).

- Các vận động viên tham gia thi đấu đối kháng trong ngày sẽ cân chính thức vào 7 giờ sáng cùng ngày, những vận động viên thừa cân sẽ bị loại, vận động viên còn lại thắng kỹ thuật (Khi cân yêu cầu vận động viên mặc áo thun, quần cộc).

- Thời gian thi đấu đối kháng: Các trận thi đấu đối kháng đều thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30 giây và nghỉ giữa các hiệp 1 phút.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Công Kiên. ĐT: 0912.424.642.

Điều 34. Môn Wushu.

1. Đối tượng dự thi:

a. Taolu:

- Nhóm tuổi 1: 9 - 11 tuổi (Sinh năm 2016 - 2014).

- Nhóm tuổi 2: 12 - 15 tuổi (Sinh năm 2013 - 2010).

- Nhóm tuổi 3: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).

b. Sanda (Tán thủ):

- Nhóm tuổi 1: 12 - 13 tuổi (Sinh năm 2013 - 2012).

- Nhóm tuổi 2: 14 - 15 tuổi (Sinh năm 2011 - 2010).

- Nhóm tuổi 3: 16 - 18 tuổi (Sinh năm 2009 - 2007).

2. Nội dung:

a. Taolu:

- Nhóm tuổi 1:

TT	Nội dung	Đối tượng		Hình thức
1	Trường quyền sơ cấp số 2	Nam	Nữ	Cá nhân
2	Kiểm thuật sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
3	Đao thuật sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
4	Thương thuật sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
5	Côn thuật sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
6	Nam quyền sơ cấp số 2	Nam	Nữ	Cá nhân
7	Nam đao sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
8	Nam côn sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
9	Thái cực quyền 24 thức	Nam	Nữ	Cá nhân
10	Thái cực kiếm 32 thức	Nam	Nữ	Cá nhân
11	Bài đồng diễn 36 động tác	Nam	Nữ	Tập thể 12-16 VĐV

- Nhóm tuổi 2:

TT	Nội dung	Đối tượng		Hình thức
1	Trường quyền sơ cấp số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
2	Kiểm thuật sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
3	Đao thuật sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
4	Thương thuật sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
5	Côn thuật sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
6	Nam quyền sơ cấp số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
7	Nam đao sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
8	Nam côn sơ cấp	Nam	Nữ	Cá nhân
9	Thái cực quyền 24 thức	Nam	Nữ	Cá nhân
10	Thái cực kiếm 32 thức	Nam	Nữ	Cá nhân
11	Bài đồng diễn 36 động tác	Nam	Nữ	Tập thể 12-16 VĐV

- Nhóm tuổi 3:

TT	Nội dung			Hình thức
1	Trường quyền quy định số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
2	Kiểm thuật quy định số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
3	Đao thuật quy định số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
4	Thương thuật quy định số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
5	Côn thuật quy định số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
6	Nam quyền quy định số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
7	Nam đao quy định số 1	Nam	Nữ	Cá nhân
8	Nam côn quy định số 1	Nam	Nữ	Cá nhân

9	Thái cực quyền 24 thức	Nam	Nữ	Cá nhân
10	Thái cực kiếm 32 thức	Nam	Nữ	Cá nhân
11	Bài đồng diễn 36 động tác	Nam	Nữ	Tập thể 12-16 VĐV

b. Sanda (Tán thủ):

- Nhóm tuổi 1:

Nam

1. Dưới 42kg
2. Trên 42kg đến 45kg
3. Trên 45kg đến 48kg
4. Trên 48kg đến 52kg
5. Trên 52kg đến 56kg

Nữ

1. Dưới 39kg
2. Trên 39kg đến 42kg
3. Trên 42kg đến 45kg
4. Trên 45kg đến 48kg
5. Trên 48kg đến 52kg

- Nhóm tuổi 2:

Nam

1. Dưới 45kg
2. Trên 45kg đến 48kg
3. Trên 48kg đến 52kg
4. Trên 52kg đến 56kg
5. Trên 56kg đến 60kg
6. Trên 60kg đến 65kg

Nữ

1. Dưới 42kg
2. Trên 42kg đến 45kg
3. Trên 45kg đến 48kg
4. Trên 48kg đến 52kg
5. Trên 52kg đến 56kg

- Nhóm tuổi 3:

Nam

1. Dưới 48kg
2. Trên 48kg đến 52kg
3. Trên 52kg đến 56kg
4. Trên 56kg đến 60kg
5. Trên 60kg đến 65kg
6. Trên 65kg đến 70kg
7. Trên 70kg đến 75kg

Nam

1. Dưới 45kg
2. Trên 45kg đến 48kg
3. Trên 48kg đến 52kg
4. Trên 52kg đến 56kg
5. Trên 56kg đến 60kg
6. Trên 60kg đến 65kg

3. Thể thức thi đấu:

a. Taolu: Thi đấu biểu diễn cá nhân, tập thể tính điểm.

b. Tán thủ:

- Thi đấu loại trực tiếp 1 lần thua.

- Mỗi trận thi đấu 3 hiệp (thắng 2 hiệp là thắng trận).

- Thời gian thi đấu mỗi hiệp là 1 phút 30 giây.

- Vận động viên nhóm tuổi 1 không được sử dụng đòn đá vào đầu đối phương và phải đeo bảo hiểm mu bàn chân và bảo hiểm ống quyển khi thi đấu.

- Các vận động viên thi đấu phải tự trang bị kuki, bịt răng, trang phục thi đấu.

4. Số lượng vận động viên:

a. Taolu:

- Mỗi cụm, mỗi nội dung được đăng ký 02 vận động viên.
- Nhóm tuổi 2,3: Mỗi cá nhân của cụm thi đấu chỉ được đăng ký tham gia thi đấu tối đa 03 nội dung: 01 quyền, 01 binh khí (binh khí dài hoặc binh khí ngắn), tập thể.
- Nội dung tập thể: mỗi cụm đăng ký thi đấu phải đủ 12 vận động viên.

b. Tán thủ:

- Mỗi cụm, mỗi hạng cân đăng ký tối đa 02 vận động viên.

4. Các quy định về chuyên môn:

- Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật thi đấu Wushu do Tổng cục Thể dục thể thao (nay là Cục Thể dục thể thao Việt Nam) ban hành.
- Quy định về trang phục:
 - + Các vận động viên mặc trang phục thi đấu theo quy định của môn Wushu.
 - + Trang phục và dụng cụ thi đấu tự túc.

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Địa chỉ liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Hồng Thúy - ĐT: 0368.720.342

Nơi nhận:

- Bộ VH,TT&DL;
- Cục TDTT Việt Nam;
- TT TU, HĐND, UBND TP;
- Các thành viên Ban Tổ chức Đại hội;
- Các Sở, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các xã, phường;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm HL&TDTT Hà Nội;
- Chánh Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, QLTTDTT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Xuân Tài
PHÓ TRƯỞNG BAN
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**